

Số: 17/2011/TT-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 131/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định số 28/2007/NĐ-CP, Nghị định số 131/2008/NĐ-CP như sau:

Chương I

LUẬT SƯ

Điều 1. Công nhận Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài

1. Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài được công nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài được cấp bởi cơ sở đào tạo nước ngoài thuộc phạm vi áp dụng của hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc điều ước quốc tế có liên quan đến văn bằng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc là thành viên;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài được cấp bởi cơ sở đào tạo mà các chương trình đào tạo đã được cơ quan kiểm định chất lượng của nước đó công nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy tờ chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.

2. Người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp muốn được công nhận ở Việt Nam thì gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị công nhận Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài;

c) Bản sao kết quả quá trình học tập tại cơ sở giáo dục nước ngoài;

d) Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Các giấy tờ khác có liên quan.

Các giấy tờ quy định tại điểm b, c, d, đ của khoản này phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật và được dịch ra tiếng Việt; bản dịch tiếng Việt phải được chứng thực.

3. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định công nhận Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.

Điều 2. Giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư và miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư

Giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề luật sư theo quy định tại Điều 13 của Luật Luật sư hoặc được miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 16 của Luật Luật sư bao gồm một trong các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Biên bản bầu thẩm phán của Hội đồng nhân dân đối với trường hợp thẩm phán do Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh bầu.

2. Bản sao Quyết định phong hàm Giáo sư, Phó Giáo sư chuyên ngành luật hoặc bản sao bằng tiến sỹ luật.

3. Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành Toà án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp chuyên ngành luật hoặc Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên chính ngành Toà án, kiểm tra viên chính ngành Kiểm sát, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính chuyên ngành luật.

4. Giấy xác nhận về thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật của cơ quan nơi người đó công tác.

5. Các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người được miễn đào tạo nghề luật sư; miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư.

Điều 3. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư nếu luật sư thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư.

2. Trong trường hợp xử lý kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định kỷ luật, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư đã xử lý kỷ luật luật sư gửi văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư phải chấm dứt hoạt động hành nghề luật sư kể từ ngày có Quyết định kỷ luật xoá tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư.

3. Khi phát hiện luật sư thuộc một trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư thì Đoàn luật sư nơi luật sư đó là thành viên hoặc các cơ quan, tổ chức khác có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư đó.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư được gửi cho người bị thu hồi Chứng chỉ, Đoàn luật sư nơi người đó đã là thành viên, Liên đoàn luật sư Việt Nam, các cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương, Sở Tư pháp, các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà người đó đã là thành viên và được đăng trên Công thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam ra quyết định thu hồi Thẻ luật sư của người bị thu hồi Chứng chỉ. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư nơi người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư đã là thành viên có trách nhiệm thu lại và tiêu hủy Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư của người đó.

5. Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư bị tiêu hủy dưới hình thức cắt góc bên trái của Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư. Việc tiêu hủy Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư phải được lập thành Biên bản có chữ ký của Chủ nhiệm Đoàn luật sư, Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư và đại diện Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn luật sư. Biên bản tiêu hủy được lập thành hai bản, một bản được lưu trữ tại Đoàn luật sư nơi người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư đã là thành viên, một bản được lưu trữ tại Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn luật sư.

Chứng chỉ hành nghề luật sư bị tiêu hủy được bàn giao cho Sở Tư pháp và lưu trữ tại Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 4. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư

1. Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý, luật sư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đến Đoàn luật sư nơi luật sư đó là thành viên. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư, trong đó nêu rõ lý do, số Chứng chỉ hành nghề luật sư;

b) Các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có văn bản đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tư pháp.

Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Luật sư.

Chương II

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 5. Thực hiện dịch vụ pháp lý của luật sư

1. Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc theo phiếu thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp luật sư tham gia tổ tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng cho cơ quan, tổ chức.

2. Đối với vụ, việc có mức thù lao từ 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) trở lên, tổ chức hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân phải ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản. Hợp đồng dịch vụ pháp lý bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật Luật sư. Khi thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý, tổ chức hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân phải lập hóa đơn giao cho khách hàng theo quy định tại Điều 15 của Nghị định 51/2010/NĐ-CP quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ và các quy định khác của pháp luật về tài chính, kế toán.

3. Đối với vụ, việc có mức thù lao dưới 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), tổ chức hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân lập phiếu thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý với khách hàng theo mẫu quy định tại khoản 22 Điều 36 của Thông tư này và lập hóa đơn theo quy định tại Điều 16 của Nghị định 51/2010/NĐ-CP quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ và các quy định khác của pháp luật về tài chính, kế toán.

Điều 6. Cách thức đánh số Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, Giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân được đánh số như sau:

Hai chữ số đầu là mã tỉnh (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này); hai chữ số tiếp theo là mã của hình thức hành nghề luật sư (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này); bốn chữ số tiếp theo là số thứ tự đăng ký dùng chung cho các loại hình tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân.

Đối với trường hợp chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư, thì số thứ tự đã đăng ký của tổ chức hành nghề luật sư được giữ lại khi cấp Giấy đăng ký hoạt động mới.

Điều 7. Thay đổi người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh phải là luật sư và là thành viên của công ty luật.

Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh muốn thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, phải gửi thông báo bằng văn bản về việc thay

đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Luật Luật sư.

2. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là luật sư chủ sở hữu của văn phòng luật sư, công ty luật.

Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên muốn thay đổi người đại diện theo pháp luật thì gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật;

b) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

c) Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người đại diện theo pháp luật mới đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật;

d) Danh mục các hợp đồng chưa hoàn thành và văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và khách hàng chuyển việc thực hiện các hợp đồng đó cho người đại diện theo pháp luật mới của văn phòng luật sư, công ty luật.

Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Luật Luật sư.

3. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều 8. Chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư

1. Văn phòng luật sư có thể chuyển đổi thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư được gửi đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn;

b) Bản cam kết của người đứng đầu công ty luật trách nhiệm hữu hạn về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư;

c) Văn bản thông báo cho khách hàng về việc chuyển đổi;

d) Dự thảo Điều lệ công ty luật trách nhiệm hữu hạn;

đ) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư;

e) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật; bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư của các luật sư thành viên đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

g) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn.

2. Thủ tục công bố nội dung đăng ký hoạt động của công ty luật trách nhiệm hữu hạn được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Luật sư.

Điều 9. Trưởng chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

1. Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật có thể đồng thời là Trưởng chi nhánh của văn phòng luật sư, công ty luật. Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật chỉ được làm Trưởng chi nhánh của một chi nhánh của văn phòng luật sư, công ty luật đó.

2. Văn phòng luật sư, công ty luật cử luật sư là thành viên hoặc luật sư làm việc theo hợp đồng làm Trưởng chi nhánh, trừ trường hợp luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam.

Điều 10. Thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư

1. Tổ chức hành nghề luật sư muốn thành lập văn phòng giao dịch gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản thông báo về việc thành lập văn phòng giao dịch;

b) Quyết định thành lập văn phòng giao dịch, trong đó ghi rõ người được tổ chức hành nghề luật sư phân công thường trực tại văn phòng giao dịch để tiếp nhận yêu cầu về vụ, việc của khách hàng, kèm theo bản sao chứng minh nhân dân của người đó;

c) Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư;

d) Bản sao giấy tờ chứng minh trụ sở của văn phòng giao dịch.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi địa chỉ của văn phòng giao dịch vào Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 11. Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

1. Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi khi tổ chức hành nghề luật sư thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Luật sư;

b) Tổ chức hành nghề luật sư tạm ngừng hoạt động quá một năm so với thời hạn được ghi trong báo cáo về việc tạm ngừng hoạt động của tổ chức đó mà không có báo cáo về việc gia hạn tạm ngừng hoạt động.

Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Luật sư.

2. Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Luật sư.

3. Khi thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư, Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư hoặc chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư và gửi cho Đoàn luật sư, cơ quan thuế nơi đăng ký hoạt động.

Chương III

TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ

Điều 12. Đại hội luật sư của Đoàn luật sư và Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Đại hội luật sư của Đoàn luật sư là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn luật sư. Căn cứ vào số lượng thành viên của Đoàn luật sư, Điều lệ của Liên đoàn luật sư, Đoàn luật sư có thể tổ chức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư (sau đây gọi chung là Đại hội luật sư của Đoàn luật sư).

Số lượng và thể thức lựa chọn đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư do Điều lệ Đoàn luật sư quy định.

Việc lựa chọn đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư phải đảm bảo bình đẳng, dân chủ, công khai, minh bạch. Việc phân bổ đại biểu tham dự Đại hội phải căn cứ vào số lượng đại biểu dự kiến triệu tập, đảm bảo có đại diện của các tổ chức hành nghề luật sư, cơ cấu về giới, lứa tuổi, dân tộc và cơ cấu quận, huyện, thị xã nơi cư trú của luật sư.

Liên đoàn luật sư Việt Nam hướng dẫn việc lựa chọn, phân bổ đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư.

2. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc do Hội đồng luật sư toàn quốc triệu tập. Hội đồng luật sư toàn quốc hướng dẫn cụ thể về số lượng và phân bổ đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc.

Việc lựa chọn đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc phải đảm bảo bình đẳng, dân chủ, công khai, minh bạch và từ các Đoàn luật sư. Việc phân bổ đại biểu tham dự Đại hội luật sư toàn quốc căn cứ vào số lượng đại biểu dự kiến triệu tập, đảm bảo có đại diện của các Đoàn luật sư, cơ cấu về giới, lứa tuổi, dân tộc và cơ cấu vùng, miền.

3. Đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư hoặc Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc phải là luật sư và đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư;

c) Có uy tín, tinh thần trách nhiệm và khả năng đóng góp vào các quyết định của Đại hội; có khả năng truyền đạt kết quả Đại hội đến các luật sư khác.

4. Việc tổ chức Đại hội luật sư của Đoàn luật sư và Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc được tiến hành theo quy định tại Điều 11 và Điều 21 của Nghị định số 131/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

Điều 13. Đề án tổ chức Đại hội luật sư của Đoàn luật sư, Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc

Đề án tổ chức Đại hội luật sư của Đoàn luật sư và Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc (sau đây gọi chung là Đề án tổ chức Đại hội) có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích, lý do tổ chức Đại hội.
2. Quá trình chuẩn bị Đại hội.
3. Thời gian, địa điểm tổ chức, thành phần tham dự; trong trường hợp tổ chức Đại hội đại biểu thì cần quy định rõ số lượng và thể thức lựa chọn đại biểu tham dự Đại hội.
4. Các nội dung chính của Đại hội và phương thức làm việc.
5. Quy chế Đại hội, quy chế bầu cử và nội quy Đại hội.
6. Danh sách dự kiến Đoàn Chủ tịch, Chủ tịch Đoàn, Thư ký Đại hội, Ban giám sát Đại hội và Ban kiểm phiếu.
7. Vấn đề đảm bảo an ninh Đại hội.

Điều 14. Phương án về cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự

1. Phương án về cơ cấu tổ chức và dự kiến nhân sự có các nội dung sau đây:

- a) Cơ cấu tổ chức, số lượng nhân sự dự kiến bầu;
- b) Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh lãnh đạo;
- c) Danh sách nhân sự dự kiến giới thiệu vào các chức danh lãnh đạo.

2. Nhân sự dự kiến bầu vào Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Thường vụ, Hội đồng luật sư toàn quốc của Liên đoàn luật sư Việt Nam bảo đảm các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Quy tắc đạo đức ứng xử nghề nghiệp của luật sư;

c) Có uy tín, trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm;

d) Có khả năng, điều kiện về thời gian và các điều kiện khác để tham gia hoạt động thường xuyên của Đoàn luật sư hoặc Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 15. Biên bản thông qua Điều lệ

1. Biên bản thông qua Điều lệ có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm tổ chức; số lượng, thành phần đại biểu tham dự Đại hội;
- b) Các ý kiến phát biểu tại Đại hội;
- c) Kết quả biểu quyết thông qua Điều lệ.

2. Biên bản thông qua Điều lệ do Chủ tịch Đoàn và Thư ký Đại hội ký; trong trường hợp Biên bản có nhiều trang thì Thư ký ký vào từng trang của Biên bản.

Điều 16. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm tổ chức; số lượng, thành phần đại biểu tham dự Đại hội;
- b) Số lượng các chức danh lãnh đạo dự kiến bầu;
- c) Danh sách các ứng cử viên;
- d) Kết quả kiểm phiếu;
- đ) Danh sách trúng cử.

2. Biên bản bầu cử do Trưởng Ban kiểm phiếu và Trưởng Ban giám sát ký; trong trường hợp Biên bản có nhiều trang thì Trưởng Ban kiểm phiếu và Trưởng Ban giám sát ký vào từng trang của Biên bản.

Điều 17. Nghị quyết Đại hội

1. Nghị quyết Đại hội có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự Đại hội;
- b) Nội dung Đại hội;
- c) Kết quả biểu quyết từng vấn đề của Đại hội và kết quả biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.

2. Nghị quyết Đại hội do Chủ tịch Đoàn ký; trong trường hợp Nghị quyết có nhiều trang thì Chủ tịch Đoàn ký vào từng trang của Nghị quyết.

Điều 18. Giải thể Đoàn luật sư

Khi phát hiện một trong các trường hợp giải thể Đoàn luật sư quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định 131/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ hướng dẫn các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư thì Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Đoàn luật sư kèm theo các giấy tờ chứng minh việc Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp bị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 131/2008/NĐ-CP.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ý kiến về việc giải thể Đoàn luật sư. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có văn bản cho ý kiến về việc giải thể Đoàn luật sư.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản nhất trí về việc giải thể Đoàn luật sư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Đoàn luật sư.

Chương IV

HÀNH NGHỀ CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI, LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 19. Chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam

1. Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có thể chuyển đổi thành công ty luật nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chi nhánh cũ.

Hồ sơ xin chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam được gửi đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, trong đó nêu rõ cam kết của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài về việc kế thừa tất cả quyền, nghĩa vụ của các chi nhánh bị chuyển đổi;

b) Văn bản thông báo cho khách hàng về việc chuyển đổi;

c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài;

d) Bản sao Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các chi nhánh bị chuyển đổi;

đ) Danh sách luật sư dự kiến làm việc tại công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài;

e) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp ra quyết định cấp Giấy phép thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thủ tục đăng ký hoạt động, đăng báo, thông báo về việc thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 79 của Luật Luật sư và Điều 18 của Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư.

Điều 20. Cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài

1. Trong trường hợp Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý, chi nhánh, công ty luật nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy phép;

b) Các giấy tờ theo quy định tại Điều 78 của Luật Luật sư.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp cấp lại Giấy phép thành lập cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.

Điều 21. Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

1. Trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý, chi nhánh, công ty luật nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài đến Sở Tư pháp nơi có trụ sở của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy đăng ký hoạt động;

b) Các giấy tờ theo quy định tại Điều 79 của Luật Luật sư.

2. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.

Điều 22. Cấp lại Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài

1. Trong trường hợp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý, luật sư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép hành nghề tại Việt Nam đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy phép. Giấy đề nghị phải có xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó đang hành nghề;

b) Các giấy tờ theo quy định tại Điều 82 của Luật Luật sư.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp cấp lại Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài.

Điều 23. Gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài

1. Luật sư nước ngoài muốn gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam thì chậm nhất ba mươi ngày trước khi hết thời hạn hoạt động ghi trong Giấy phép, gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam có xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam về việc tiếp tục tuyển dụng luật sư đó;

b) Bản chính Giấy phép hành nghề tại Việt Nam.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp quyết định gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài.

Chương V

KIỂM TRA, THANH TRA VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG LUẬT SƯ

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc kiểm tra tổ chức, hoạt động luật sư

1. Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện việc kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư theo thẩm quyền.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương.

Hàng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập Kế hoạch kiểm tra tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương. Kế hoạch kiểm tra tổ chức và hoạt động luật sư cần xác định rõ danh sách đối tượng kiểm tra, thời gian và nội dung kiểm tra; nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Đoàn kiểm tra và thành viên Đoàn kiểm tra; quyền, nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra; trình tự, thủ tục kiểm tra. Kế hoạch kiểm tra tổ chức và hoạt động luật sư được thông báo bằng văn bản cho đối tượng kiểm tra chậm nhất là bảy ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra.

Sở Tư pháp có thể thực hiện kiểm tra đột xuất theo uỷ quyền của Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong tổ chức, hoạt động luật sư.

Trong thời gian mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Tư pháp gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp về kết quả kiểm tra.

Điều 25. Nguyên tắc kiểm tra tổ chức, hoạt động luật sư

Việc kiểm tra tổ chức, hoạt động luật sư cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Công khai, khách quan, minh bạch và đúng kế hoạch đã được phê duyệt, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất.

2. Bảo đảm tính bảo mật trong hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về luật sư và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Nội dung kiểm tra

1. Đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư theo quy định của Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam và Điều lệ Đoàn luật sư;

b) Việc giải quyết, khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Luật sư và các văn bản pháp luật có liên quan;

c) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê;

d) Việc báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; lập các mẫu sổ sách và lưu trữ các giấy tờ tài liệu theo quy định của Luật Luật sư và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế và các quy định khác của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

2. Đối với tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Việc thực hiện các quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam; việc xin cấp Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; xin cấp Giấy phép hoạt động tại Việt Nam của luật sư nước ngoài;

b) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động trong trường hợp có thuê lao động;

c) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, tài chính, kế toán, thống kê;

d) Việc ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý theo quy định của pháp luật;

đ) Việc báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; lập các mẫu sổ sách và lưu trữ các giấy tờ tài liệu theo quy định của Luật Luật sư và các quy định của pháp luật có liên quan;

e) Việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

3. Đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân, nội dung kiểm tra tập trung vào các nội dung ghi trong Giấy đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân và việc tuân thủ các quy định của pháp luật về luật sư, hành nghề luật sư và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Việc thực hiện các quy định của Luật Luật sư và quy định của pháp luật có liên quan về việc cấp, thay đổi, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

b) Việc báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; việc lập các mẫu sổ sách và lưu trữ các giấy tờ tài liệu theo quy định của Luật Luật sư và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra gồm có Trưởng Đoàn và các thành viên. Trưởng Đoàn kiểm tra là đại diện lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư. Các thành viên Đoàn kiểm tra bao gồm đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư.

2. Trưởng Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo thực hiện đúng nội dung, thời hạn ghi trong quyết định kiểm tra;

b) Gia hạn kiểm tra trong trường hợp cần thiết;

c) Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra;

d) Lập biên bản kiểm tra; xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của biên bản, báo cáo đó;

đ) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong tổ chức, hoạt động luật sư;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi hành chính, quyết định hành chính liên quan đến các thành viên của Đoàn kiểm tra.

3. Các thành viên trong Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn kiểm tra và có trách nhiệm bảo mật thông tin liên quan đến đối tượng kiểm tra.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra

1. Đối tượng kiểm tra có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu thành viên Đoàn kiểm tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Nhận biên bản kiểm tra và yêu cầu giải thích nội dung biên bản kiểm tra;

c) Bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra;

d) Từ chối việc kiểm tra khi không có quyết định kiểm tra; từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra, thông tin, tài liệu thuộc bí mật Nhà nước hoặc bí mật của khách hàng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

đ) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng kiểm tra có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành Quyết định kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo và sổ sách theo quy định tại Điều 31, 32, 33 và 36 của Thông tư này; các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp;

d) Ký biên bản kiểm tra sau khi kết thúc kiểm tra;

đ) Chấp hành quyết định của Đoàn kiểm tra;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trình tự, thủ tục kiểm tra

1. Công bố quyết định kiểm tra khi bắt đầu tiến hành kiểm tra về tổ chức, hoạt động hành nghề luật sư.
2. Đối chiếu, kiểm tra, đánh giá nội dung báo cáo và các sổ sách, giấy tờ, tài liệu được xuất trình theo quy định của pháp luật.
3. Lập biên bản kiểm tra về tổ chức, hoạt động luật sư sau khi kết thúc kiểm tra.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 30. Thanh tra tổ chức, hoạt động luật sư

Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thanh tra về tổ chức và hoạt động luật sư theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc thanh tra về tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÁCH THỨC GỬI HỒ SƠ VÀ CÁC MẪU GIẤY TỜ KÈM THEO

Điều 31. Báo cáo định kỳ

1. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Liên đoàn luật sư Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo về tổ chức và hoạt động luật sư gửi Bộ Tư pháp; Đoàn luật sư có trách nhiệm lập báo cáo về tổ chức và hoạt động luật sư gửi Bộ Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn luật sư.

Báo cáo 6 tháng của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được gửi trước ngày 10/4 hàng năm và báo cáo năm được gửi trước ngày 10/10 hàng năm.

2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân có trách nhiệm lập báo cáo về tổ chức và hoạt động của mình gửi Đoàn luật sư và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư hoặc nơi có địa điểm giao dịch của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân; tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo về tổ chức và hoạt động luật sư gửi Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư.

Báo cáo 6 tháng của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam được gửi trước ngày 05/4 hàng năm và báo cáo năm được gửi trước ngày 05/10 hàng năm.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập báo cáo gửi Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương.

Báo cáo 6 tháng của Sở Tư pháp được gửi trước ngày 15/4 hàng năm và báo cáo năm được gửi trước ngày 15/10 hàng năm.

4. Báo cáo 6 tháng được tính từ ngày 01/10 của năm trước đến ngày 31/3 của năm sau; báo cáo năm được tính từ ngày 01/10 của năm trước đến ngày 30/9 của năm sau.

Điều 32. Nội dung báo cáo

1. Báo cáo của Sở Tư pháp có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tóm tắt tình hình tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương;

b) Những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, trong đó cần quan tâm đánh giá việc phát triển đội ngũ luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; xây dựng tổ chức Đảng trong Đoàn luật sư; hành nghề của luật sư tại địa phương; thực hiện vai trò tự quản của các Đoàn luật sư; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương.

c) Đề xuất, kiến nghị.

2. Báo cáo của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tóm tắt tình hình tổ chức và hoạt động luật sư của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư;

b) Những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, trong đó cần quan tâm đánh giá về việc phát triển đội ngũ luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; tổ chức, hoạt động của các Đoàn luật sư; xây dựng tổ chức Đảng, phát triển đảng viên mới trong Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam; thực hiện vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; hoạt động hợp tác quốc tế của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; việc thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước với phát huy vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

c) Đề xuất, kiến nghị.

3. Báo cáo của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tóm tắt tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư;

b) Những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân;

c) Đề xuất, kiến nghị.

Điều 33. Báo cáo đột xuất

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Liên đoàn luật sư Việt Nam có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động luật sư theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

3. Đoàn luật sư có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp.

4. Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm báo cáo đột

xuất về tổ chức và hoạt động của mình theo yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp.

Điều 34. Nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trong việc báo cáo và lập hồ sơ, sổ sách

1. Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40 của Luật Luật sư, hướng dẫn tại Điều 31, 32, 33 của Thông tư này và Thông tư số 08/2011/TT-BTP hướng dẫn một số nội dung về công tác thông kê của Ngành Tư pháp.

Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ, sổ sách theo các mẫu quy định tại các khoản 23, 24, 25, 26 Điều 36 của Thông tư này và theo quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, kế toán.

Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ, sổ sách theo các mẫu quy định tại các khoản 24, 25, 26 Điều 36 của Thông tư này và theo quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, kế toán.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư phải thực hiện đầy đủ nghiêm chỉnh nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 31, 32, 33 của Thông tư này.

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư có trách nhiệm lập hồ sơ, sổ sách theo các mẫu quy định tại các khoản 23, 26, 27, 28 Điều 36 của Thông tư này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc lưu trữ các báo cáo, hồ sơ, sổ sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 35. Số lượng hồ sơ và cách thức gửi hồ sơ

1. Người muốn công nhận Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài, người đề nghị cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư; chi nhánh, công ty luật nước ngoài đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập, luật sư nước ngoài đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam chuyên đổi thành công ty luật nước ngoài tại Việt Nam thì nộp một bộ hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tư pháp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính viễn thông đến Bộ Tư pháp. Đối với hồ sơ phải nộp lệ phí thì nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản của Bộ Tư pháp. Số tài khoản được đăng trên cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp.

2. Tổ chức hành nghề luật sư thay đổi người đại diện theo pháp luật, thành lập văn phòng giao dịch; văn phòng luật sư chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề luật sư; chi nhánh, công ty luật nước ngoài đề nghị cấp, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài nộp một bộ hồ sơ trực tiếp tại trụ sở của Sở Tư pháp hoặc gửi thông qua hệ thống bưu chính viễn thông đến Sở Tư pháp nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư. Đối với hồ sơ phải nộp lệ phí thì nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản của Sở Tư pháp.

Điều 36. Các mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư

1. Giấy đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-01);

2. Sơ yếu lý lịch (Mẫu TP-LS-02);
3. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Mẫu TP-LS-03);
4. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Mẫu TP-LS-04);
5. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-05);
6. Giấy đề nghị đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân (Mẫu TP-LS-06);
7. Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-07);
8. Giấy đăng ký hoạt động văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Mẫu TP-LS-08);
9. Giấy đăng ký hoạt động công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Mẫu TP-LS-09);
10. Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư (Mẫu TP-LS-10);
11. Giấy đăng ký hành nghề của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân (Mẫu TP-LS-11);
12. Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-12);
13. Đơn đề nghị thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-13);
14. Đơn đề nghị thành lập chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-14);
15. Đơn đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài (Mẫu TP-LS-15);
16. Đơn đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-16);
17. Đơn đề nghị đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-17);
18. Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài (Mẫu TP-LS-18);
19. Giấy đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-19);
20. Giấy đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam (Mẫu TP-LS-20);

21. Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của công ty luật nước ngoài (Mẫu TP-LS-21);
22. Phiếu thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý (Mẫu TP-LS-22);
23. Sổ theo dõi văn bản đi/văn bản đến (Mẫu TP-LS-23).
24. Sổ theo dõi việc sử dụng lao động (Mẫu TP-LS-24).
25. Sổ theo dõi hợp đồng dịch vụ pháp lý/phiếu thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý (Mẫu TP-LS-25).
26. Sổ theo dõi việc tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng/ thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí (Mẫu TP-LS-26).
27. Sổ theo dõi khen thưởng, kỷ luật, xử lý vi phạm (Mẫu TP-LS-27).
28. Sổ theo dõi khiếu nại và giải quyết khiếu nại (Mẫu TP-LS-28).
29. Sổ đăng ký hoạt động (Mẫu TP-LS-29).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và thay thế Thông tư số 02/2007/TT-BTP ngày 25/4/2007 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Toà án Nhân dân Tối cao; Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- Hội luật gia Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ;
- Cơ quan đại diện Bộ Tư pháp tại TPHCM;
- Vụ Các vấn đề chung về XDPL (BTP);
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Công báo; Website Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chính

PHỤ LỤC 1

Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tư pháp)

Mã số	Tỉnh, TP trực thuộc TW
01	Hà Nội
02	Hải Phòng
04	Hải Dương
05	Hưng Yên
06	Hà Nam
07	Nam Định
08	Thái Bình
09	Ninh Bình
10	Hà Giang
11	Cao Bằng
12	Lào Cai
13	Bắc Cạn
14	Lạng Sơn
15	Tuyên Quang
16	Yên Bái
17	Thái Nguyên
18	Phú Thọ
19	Vĩnh Phúc
20	Bắc Giang
21	Bắc Ninh
22	Quảng Ninh
23	Điện Biên
24	Sơn La
25	Hòa Bình
26	Thanh Hóa
27	Nghệ An
28	Hà Tĩnh
29	Quảng Bình
30	Quảng Trị
31	Thừa Thiên Huế
32	Đà Nẵng

Mã số	Tỉnh, TP trực thuộc TW
33	Quảng Nam
34	Quảng Ngãi
35	Bình Định
36	Phú Yên
37	Khánh Hòa
38	Kon Tum
39	Gia Lai
40	Đắklak
41	Thành phố Hồ Chí Minh
42	Lâm Đồng
43	Ninh Thuận
44	Bình Phước
45	Tây Ninh
46	Bình Dương
47	Đồng Nai
48	Bình Thuận
49	Bà Rịa - Vũng Tàu
50	Long An
51	Đồng Tháp
52	An Giang
53	Tiền Giang
54	Vĩnh Long
55	Bến Tre
56	Kiên Giang
57	Cần Thơ
58	Trà Vinh
59	Sóc Trăng
60	Bạc Liêu
61	Cà Mau
62	Lai Châu
63	Đắk Nông
64	Hậu Giang

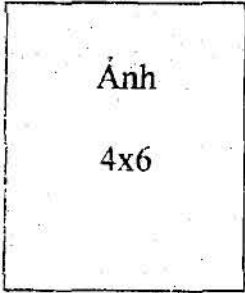
PHỤ LỤC 2

Mã của hình thức hành nghề luật sư Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tư pháp)

Mã số	Hình thức hành nghề luật sư
01	Văn phòng luật sư
02	Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
03	Công ty luật hợp danh
04	Chi nhánh Văn phòng luật sư
05	Chi nhánh Công ty luật hợp danh
06	Chi nhánh Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
07	Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
08	Chi nhánh Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
09	Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TP-LS-01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi:

Tên tôi là:Nam/Nữ.....

Ngày sinh:...../...../..... Nơi sinh:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....

Chỗ ở hiện nay:

Đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư số:..... ngày cấp:...../...../.....

Hoặc được miễn tập sự hành nghề luật sư (ghi rõ lý do):.....
.....

Tôi đề nghị được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề luật sư, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của luật sư do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

Ảnh

4x6

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Kèm theo Giấy đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư)

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....

Tên thường gọi:.....

Ngày sinh:...../...../..... Nơi sinh:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:

Chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:.....

Dân tộc:.....Tôn giáo:.....

Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....

Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../..... ngày chính thức:...../...../.....

Là người tập sự hành nghề luật sư của Đoàn luật sư:.....

Bằng cử nhân luật số:.....Ngày cấp:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư số:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Được miễn đào tạo nghề luật sư (ghi rõ lý do):.....

Thời gian tập sự hành nghề luật sư từ...../...../..... đến...../...../.....

Nơi tập sự:

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT
(ghi rõ hình thức khen thưởng, kỷ luật)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
(ghi rõ có hay không việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự? Nếu đã bị truy cứu thì ghi rõ tội danh, số bản án và cơ quan ra bản án)

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm
Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY
LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là: ngày sinh:...../...../.....

Là thành viên Đoàn luật sư tỉnh (thành phố).....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Điện thoại:..... Email:.....

Đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên với nội dung sau đây:

1. Tên gọi đầy đủ và tên giao dịch (nếu có) của văn phòng luật sư (công ty luật) *(tên gọi ghi bằng chữ in hoa; mỗi văn phòng, công ty có quyền lựa chọn ít nhất 03 tên ghi theo thứ tự ưu tiên):*

Tên thứ nhất:

Tên thứ hai:

Tên thứ ba:

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

Website:.....

3. Trưởng văn phòng luật sư (Giám đốc công ty luật):

Họ và tên: Nam/Nữ

Ngày sinh::/...../.....

Chứng minh nhân dân số: ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Chứng chỉ hành nghề luật sư số..... ngày cấp: /...../.....

Là thành viên Đoàn luật sư tỉnh (thành phố).....

4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Luật sư ký, ghi rõ họ tên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LUẬT HỢP DANH, CÔNG TY
LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Chúng tôi gồm các luật sư có tên trong danh sách sau đây:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Chứng chỉ hành nghề luật sư (<i>ghi rõ số và ngày cấp</i>)	Thành viên Đoàn luật sư tỉnh (thành phố)	Số điện thoại liên hệ

Đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với các nội dung sau đây:

1. Tên gọi đầy đủ và tên giao dịch (nếu có) của công ty luật (*tên gọi ghi bằng chữ in hoa; mỗi công ty có quyền lựa chọn ít nhất 03 tên ghi theo thứ tự ưu tiên*):

Tên thứ nhất:

Tên thứ hai:

Tên thứ ba:

2. Địa chỉ trụ sở:.....

.....

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

Website:.....

3. Giám đốc công ty:

Họ và tên: Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Chỗ ở hiện nay:

.....

Chứng chỉ hành nghề luật sư số..... ngày cấp: /...../.....

Là thành viên Đoàn luật sư tỉnh (thành phố).....

4. Lĩnh vực hành nghề:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm
Chữ ký của các luật sư thành viên
(ghi rõ họ tên của từng luật sư thành viên)

Tên tổ chức hành nghề
luật sư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên gọi đầy đủ của tổ chức hành nghề luật sư dự kiến đặt chi nhánh:.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

2. Giấy đăng ký hoạt động số:.....do Sở Tư pháp
tỉnh (thành phố).....cấp ngày:...../...../.....

3. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động:

Đăng ký hoạt động cho chi nhánh với nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh:.....

2. Địa chỉ trụ sở của chi nhánh:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Website:.....

3. Trưởng chi nhánh:

Họ, tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Nam/Nữ...

Ngày sinh:...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:

Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Chứng chỉ hành nghề luật sư số:..... Ngày cấp:...../...../.....

Là thành viên của Đoàn luật sư:

4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của chi nhánh:

.....
.....
.....
.....

Chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-06
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là:Nam/Nữ.....ngày sinh:...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Điện thoại:.....Email:.....

Đăng ký hoạt động hành nghề luật sư với tư cách cá nhân
với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên luật sư (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số:Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chứng chỉ hành nghề luật sư số.....Ngày cấp:/...../.....

Là thành viên Đoàn luật sư tỉnh (thành phố).....

2. Địa điểm giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

3. Lĩnh vực đăng ký hoạt động:

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Luật sư ký, ghi rõ họ tên

Tên tổ chức hành nghề
luật sư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên gọi đầy đủ của tổ chức hành nghề luật sư:.....
.....
2. Tên giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư (nếu có):.....
.....
3. Giấy đăng ký hoạt động số:.....do Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....cấp ngày:...../...../.....
4. Địa chỉ trụ sở:
.....
- Điện thoại:..... Fax: Email:.....
5. Lĩnh vực đăng ký hoạt động:.....
.....

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
của tổ chức hành nghề luật sư như sau:

.....
.....
.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Chi nhánh văn phòng luật sư, công ty luật

Stt	Nơi đăng ký chi nhánh	Ngày đăng ký chi nhánh	Địa chỉ trụ sở của chi nhánh	Điện thoại/ Fax/ email	Trưởng chi nhánh

Văn phòng Giao dịch

Stt	Địa chỉ nơi đặt văn phòng giao dịch	Ngày đăng ký văn phòng giao dịch	Điện thoại/Fax/email	Ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:...../TP/ĐKHD

UBND tỉnh, tp... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Sở Tư pháp Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY LUẬT TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

(Ngày cấp lần đầu:Số lần thay đổi:)

1. Tên gọi đầy đủ của văn phòng luật sư (công ty luật):

.....

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax:Email:

3. Trưởng văn phòng luật sư (Giám đốc công ty luật):

Họ và tên:Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:

...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Chứng chỉ hành nghề luật sư số:.....Ngày

cấp...../...../.....

Thành viên của Đoàn luật sư:

Chữ ký:

4. Lĩnh vực hành nghề:

.....
.....
.....
.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

Chi nhánh văn phòng luật sư, công ty luật

Stt	Nơi đăng ký chi nhánh	Ngày đăng ký chi nhánh	Địa chỉ trụ sở của chi nhánh	Điện thoại/ Fax/ email	Trưởng chi nhánh

Văn phòng Giao dịch

Stt	Địa chỉ nơi đặt văn phòng giao dịch	Ngày đăng ký văn phòng giao dịch	Điện thoại/Fax/email	Ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY LUẬT HỢP DANH, CÔNG TY LUẬT TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:...../TP/ĐKHĐ

UBND tỉnh, tp...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sở Tư pháp

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÔNG TY LUẬT HỢP DANH, CÔNG TY LUẬT TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

(Ngày cấp lần đầu:Số lần thay đổi:)

1. Tên gọi đầy đủ của Công ty:

.....

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax:.....Email:.....

3. Giám đốc công ty:

Họ và tên:Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số:Ngày

cấp:/...../.....Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Chứng chỉ hành nghề luật sư số:.....ngày

cấp:...../...../.....

Thành viên của Đoàn luật sư:

Chữ ký:

4. Lĩnh vực hành nghề:

.....
.....
.....

5. Danh sách thành viên

T	Họ và tên luật sư thành viên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	CCHN LS (ghi rõ ngày cấp và số)	Thành viên ĐLS
T					

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CHI NHÁNH TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:...../TP/ĐKHD

UBND tỉnh, tp. CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Sở Tư pháp

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CHI NHÁNH TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

(Ngày cấp lần đầu:Số lần thay đổi:)

1. Tên của tổ chức hành nghề luật sư lập chi nhánh:

Tên giao dịch:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Tên của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư:

Địa chỉ trụ sở của chi nhánh:

Điện thoại:Fax:Email:

3. Trưởng chi nhánh:

Họ và tên:Nam/Nữ.....

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số:ngày cấp:

...../...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....
Chứng chỉ hành nghề luật sư số:.....Ngày
cấp...../...../.....

Thành viên của Đoàn luật sư:

Chữ ký:

4. Lĩnh vực hành nghề:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
CỦA LUẬT SƯ VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:...../TP/ĐKHĐ

UBND tỉnh, tp...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Sở Tư pháp Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
CỦA LUẬT SƯ VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN**

1. Họ và tên luật sư: Nam/Nữ.....

Tên giao dịch:

Ngày sinh:/...../.....

Chứng minh nhân dân số:Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Chứng chỉ hành nghề luật sư số:.....Ngày cấp...../...../.....

Thành viên của Đoàn luật sư:

Chữ ký:

2. Địa điểm giao dịch:

Điện thoại:Fax:.....Email:.....

3. Lĩnh vực hành nghề:

.....
.....
.....
.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

**Thay đổi nội dung đăng ký hành nghề của luật sư
hành nghề với tư cách cá nhân**

Stt	Ngày tháng năm thay đổi	Nội dung thay đổi	Giám đốc Sở Tư pháp (ký và đóng dấu)

Tên tổ chức hành nghề
luật sư nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC LUẬT
SƯ NƯỚC NGOÀI/ CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
100% VỐN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Tôi là....., người đứng đầu (*tên tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài*) bày tỏ
nguyện vọng xin Ngài cho phép chúng tôi là:

(*Tên đầy đủ của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài*).....

Quốc tịch:..... thành lập ngày..... /..... /.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Tel: Fax:

Email:..... Website:.....

**Đề nghị cho phép thành lập chi nhánh/công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100%
vốn nước ngoài tại Việt Nam với nội dung như sau:**

1. Tên gọi đầy đủ của chi nhánh/công ty:.....

2. Địa chỉ trụ sở của chi nhánh/công ty:.....

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

4. Họ và tên luật sư - Trưởng chi nhánh/ Giám đốc công ty.....

Quốc tịch: Ngày sinh:/...../.....

Hộ chiếu số: cấp ngày:...../...../..... cơ quan cấp:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam số: cấp ngày:...../...../.....

5. Số luật sư nước ngoài, luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty (Ghi rõ họ, tên, quốc tịch, số Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc số Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam):

6. Số nhân viên Việt Nam và nhân viên nước ngoài dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty:

Chúng tôi cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập chi nhánh/công ty.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

Tỉnh (thành phố), ngày.... tháng..... năm.....

Người đứng đầu

tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài

(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ chức hành nghề luật sư
nước ngoài
Tên tổ chức hành nghề luật sư
Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP
CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỚI HÌNH THỨC
LIÊN DOANH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Chúng tôi là.....người đứng đầu của (*Tên tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam*) bày tỏ nguyện vọng xin Ngài cho phép chúng tôi:

1. Tên đầy đủ của tổ chức luật sư nước ngoài:.....

.....

Quốc tịch:..... thành lập ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Tel: Fax:.....

Email:..... Website:.....

2. Tên đầy đủ của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam:

.....

Giấy đăng ký hoạt động sốdo Sở Tư pháp tỉnh, (thành phố trực thuộc Trung ương).....cấp ngày:/...../.....

Địa chỉ trụ sở:.....

.....

Tel:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

Đề nghị cho phép thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam với nội dung như sau:

1. Tên gọi đầy đủ của công ty luật:.....

.....

.....

2. Trụ sở của công ty luật:.....

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

.....

.....

4. Họ và tên luật sư - Giám đốc, Phó Giám đốc công ty:.....

Quốc tịch:Ngày sinh:/...../.....

Hộ chiếu số/CMTND:cấp ngày:...../...../..... cơ quan cấp:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam/Chứng chỉ hành nghề luật sư số:cấp ngày:...../...../.....

5. Số luật sư nước ngoài, luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty (Ghi rõ họ, tên, quốc tịch, số Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc số Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam):

.....

6. Số nhân viên Việt Nam và nhân viên nước ngoài dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty:.....

Chúng tôi cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập công ty.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng.... năm

Người đứng đầu

Tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam

(Ký tên và đóng dấu)

Người đứng đầu

Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Công ty luật nước
ngoài tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH CỦA
CÔNG TY LUẬT NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Tôi tên là:.....Giám đốc Công ty (ghi đầy đủ tên của Công ty luật
nước ngoài thành lập Chi nhánh của Công ty):.....

Giấy phép thành lập Công ty số:cấp ngày:...../...../.....

Giấy đăng ký hoạt động của Công ty số:.....do Sở Tư pháp tỉnh
(thành phố).....cấp ngày:...../...../.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....Fax:Email:.....

Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

**Cho phép thành lập chi nhánh của Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
với nội dung sau đây:**

1. Tên của chi nhánh:.....

2. Địa chỉ trụ sở của chi nhánh:.....

Điện thoại:.....Fax:Email:.....

Website:.....

3. Lĩnh vực hành nghề của chi nhánh:

4. Trưởng chi nhánh:

Họ, tên (ghi bằng chữ in hoa):.....Nam/Nữ...

Ngày sinh:...../...../.....

Quốc tịch:..... Ngày sinh:...../...../.....

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam/ Chứng chỉ hành nghề luật sư số:..... cấp ngày...../...../.....

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

5. Số luật sư nước ngoài, luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty (Ghi rõ họ, tên, quốc tịch, số Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc số Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam):

.....

.....

6. Số nhân viên Việt Nam và nhân viên nước ngoài dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty:

.....

Chúng tôi cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập chi nhánh.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng.... năm

Người đứng đầu

Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HÀNH NGHỀ TẠI VIỆT NAM CỦA LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Tôi là....., (tên đầy đủ của luật sư nước ngoài).....

Ngày sinh:..... /...../..... Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu..... có giá trị đến ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi hành nghề luật sư được cấp ngày:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Bày tỏ nguyện vọng xin được cấp Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam để hành nghề luật sư tại:.....

.....(tên chi nhánh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở:.....

Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

.....
.....
.....

Thời hạn hành nghề tại Việt Nam:.....

Tôi xin cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung ghi trong Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Xin gửi tới Ngài lời chào trân trọng.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng... năm.....

Luật sư nước ngoài
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tên tổ chức hành nghề luật
sư nước ngoài tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: SỞ TƯ PHÁP TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Tên tôi là:....., Giám đốc/Trưởng chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy đăng ký hoạt động với nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên đầy đủ của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam:

Quốc tịch:.....được cấp Giấy phép thành lập số:.....ngày.../.../.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Tel: Fax:.....

Email:..... Website:.....

2. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

3. Họ và tên luật sư - Giám đốc, Phó Giám đốc công ty:.....

Quốc tịch: Ngày sinh:/...../.....

Hộ chiếu số/CMTND:cấp ngày:...../...../.....cơ quan cấp:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam/Chứng chỉ hành nghề luật sư số:cấp ngày:...../...../.....

4. Số luật sư nước ngoài, luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty (Ghi rõ họ, tên, quốc tịch, số Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc số Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam):

5. Số nhân viên Việt Nam và nhân viên nước ngoài dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty:.....

Chúng tôi cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập công ty.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng.... năm

Người đứng đầu

Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Công ty luật nước
ngoài tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHO CHI NHÁNH CỦA
CÔNG TY LUẬT NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: SỞ TƯ PHÁP TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Tên gọi đầy đủ của Công ty luật nước ngoài dự kiến đặt Chi nhánh:.....

Giấy phép thành lập số: cấp ngày:..... /...../.....

Giấy đăng ký hoạt động số:.....do Sở Tư pháp tỉnh
(thành phố)..... cấp ngày:...../...../.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

Đăng ký hoạt động cho chi nhánh với nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh:.....

2. Địa chỉ trụ sở của chi nhánh:.....

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

Website:.....

3. Lĩnh vực hành nghề của chi nhánh:

4. Trưởng chi nhánh:

Họ, tên (ghi bằng chữ in hoa):.....Nam/Nữ...

Ngày sinh:...../...../..... Quốc tịch:.....

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam/Chứng chỉ hành nghề luật sư số:.....cấp ngày.../...../.....

Điện thoại:.....Fax:Email:.....

5. Số luật sư nước ngoài, luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty (Ghi rõ họ, tên, quốc tịch, số Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc số Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam):

6. Số nhân viên Việt Nam và nhân viên nước ngoài dự kiến làm việc tại chi nhánh/công ty:.....

Chúng tôi cam kết tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập Chi nhánh.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng.... năm

Người đứng đầu

Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-18

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:/TP/ĐKHĐ

UBND tỉnh, tp..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

1. Tên Chi nhánh:

Giấy phép thành lập số: cấp ngày:..... /...../.....

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

.....

.....

.....

.....

.....

4. Số người làm việc tại Chi nhánh:

Số luật sư nước ngoài:

Số luật sư Việt Nam:

Số nhân viên Việt Nam:

Số nhân viên nước ngoài:

5. Họ và tên luật sư Trưởng chi nhánh:

.....

Quốc tịch:

Ngày sinh:

Hộ chiếu số:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam
số:..... cấp ngày:...../...../.....

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-19

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT TRĂM
PHẦN TRĂM VỐN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:/TP/ĐKHD

UBND tỉnh, tp
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT
TRĂM PHẦN TRĂM VỐN NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM**

1. Tên Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài:.....

Giấy phép thành lập số: cấp ngày:..... /...../.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại: Fax.....

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật.....

4. Số người làm việc tại Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài:.....

Số luật sư nước ngoài:

Số luật sư Việt Nam:

Số nhân viên Việt Nam:

Số nhân viên nước ngoài:

5. Họ và tên luật sư - Giám đốc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài:.....

Quốc tịch:

Ngày sinh:

Hộ chiếu số:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam
số:..... cấp ngày:...../...../.....

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-20

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỚI HÌNH
THỨC LIÊN DOANH TẠI VIỆT NAM
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:/TP/ĐKHD

UBND tỉnh, tp..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY LUẬT TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỚI
HÌNH THỨC LIÊN DOANH TẠI VIỆT NAM**

1. Tên Công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh
giữa nước ngoài và Việt Nam:

Giấy phép thành lập số:cấp ngày:...../...../.....

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax.....

3. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

.....
.....
.....
.....

4. Số người làm việc tại Công ty luật trách nhiệm dưới hình thức liên
doanh:

Số luật sư nước ngoài:

Số luật sư Việt Nam:

Số nhân viên Việt Nam:

Số nhân viên nước ngoài:

5. Họ và tên luật sư - Giám đốc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới
hình thức liên doanh.....

Quốc tịch:

Ngày sinh:

Hộ chiếu số:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (Chứng chỉ hành
nghề luật sư) số:.....cấp ngày:...../...../.....

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-21

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY LUẬT NƯỚC NGOÀI
(Được in trên khổ giấy A3)

Số:/TP/ĐKHĐ

UBND tỉnh, tp CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 5. Số người làm việc tại Chi nhánh:
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Số luật sư nước ngoài:
Số luật sư Việt Nam:
Số nhân viên Việt Nam:
Số nhân viên nước ngoài:

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI**

1. Tên Công ty luật nước ngoài thành lập Chi nhánh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax

2. Giấy phép thành lập Chi nhánh số..... cấp ngày
cấp:...../...../.....

3. Địa chỉ trụ sở của Chi nhánh:

Điện thoại:..... Fax..... Email.....

4. Lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật:

6. Họ và tên luật sư Trưởng Chi nhánh:.....

Quốc tịch:

Ngày sinh:

Hộ chiếu số:

Giấy phép hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam/Chứng chỉ
hành nghề luật sư số:..... cấp ngày...../...../.....

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-22
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP)

PHIẾU THỎA THUẬN THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHÁP LÝ

Hôm nay là ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

Bên A:

Tên tổ chức hành nghề luật sư:

Tên giao dịch (nếu có):

Địa chỉ trụ sở:.....

Người đại diện của tổ chức: chức vụ:

Số điện thoại: số fax:

Bên B:

Họ và tên khách hàng hoặc người đại diện:.....

CMTND/hộ chiếu:.....cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Yêu cầu thực hiện dịch vụ pháp lý với các thỏa thuận như sau:

1. Nội dung dịch vụ pháp lý:

2 Thời hạn thực hiện dịch vụ:

3. Quyền của bên A:
.....
.....

4. Quyền của bên B:
.....
.....

5. Mức thù lao:.....(bằng chữ:))

6. Phương thức thanh toán:

7. Chi phí khác:

8. Các thỏa thuận khác:
.....
.....

Bên A

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Bên B

(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-23
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

Liên đoàn luật sư Việt Nam/ Đoàn luật sư tỉnh hoặc TP/Tên tổ chức hành nghề luật sư/Tên chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

SỔ THEO DÕI VĂN BẢN ĐI/VĂN BẢN ĐẾN
(Được in trên khổ giấy A4)

QUYÊN SỐ:.....

Mở ngày.....tháng.....năm.....

SỔ THEO DÕI VĂN BẢN ĐI/VĂN BẢN ĐẾN*

(Từ ngày..... tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Số, ký hiệu	Ngày công văn đi/đến	Trích yếu nội dung công văn đi/đến	Người nhận công văn đi/đến	Người giải quyết hoặc người lưu CV đi/đến	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Liên đoàn luật sư Việt Nam/

Đại diện Đoàn luật sư/

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật

sư/chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Nếu sổ theo dõi công văn đi, đến được làm trên máy tính thì hàng tháng phải in ra và đóng thành quyển theo từng năm.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-24
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

Tên tổ chức hành nghề luật sư/Tên chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư:.....

SỔ THEO DÕI VIỆC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Được in trên khổ giấy A4)

QUYỀN SỐ:.....

Mở ngày.....tháng.....năm.....

SỔ THEO DÕI VIỆC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG*

(Từ ngày..... tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Stt	Họ tên người làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư/chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	Năm sinh	Giới tính		Tuyển dụng			Hợp đồng lao động		Bảo hiểm xã hội		Ghi chú
			Nam	Nữ	Luật sư	Người tập sự	Nhân viên khác	Đã ký <small>(ghi rõ số hợp đồng, thời gian ký hợp đồng)</small>	Chưa ký <small>(ghi rõ lý do)</small>	Đã nộp <small>(ghi rõ số tiền nộp/tháng)</small>	Chưa nộp <small>(ghi rõ lý do)</small>	

- Ngày 31/12/.....:
- Tổng số lao động:(trong đó số luật sư:.....; người tập sự:.....; nhân viên khác:.....)
 - Tổng số hợp đồng lao động đã ký kết trong năm:..... (trong đó đã chấm dứt:.....; đang thực hiện:.....)
 - Tổng số tiền bảo hiểm xã hội đã nộp của cả năm:

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....
 Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư/
 Người đứng đầu chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Nếu sổ theo dõi sử dụng lao động được làm trên máy tính thì hàng tháng phải in ra và đóng thành quyển theo từng năm.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-25

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

Tên tổ chức hành nghề luật sư/Tên chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư/Họ, tên luật sư hành nghề với tư cách cá nhân:.....

SỐ THEO DÕI HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ/PHIẾU THỎA THUẬN THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHÁP LÝ

(Được in trên khổ giấy A4)

QUYỀN SỐ:.....

Mở ngày.....tháng.....năm.....

SỔ THEO DÕI HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ/PHIẾU THỎA THUẬN THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHÁP LÝ*

(Từ ngày..... tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Stt	Số, ngày, tháng ký hợp đồng	Tên khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng	Nội dung dịch vụ, thời hạn thực hiện	Giá trị hợp đồng	Người thực hiện hợp đồng	Chất lượng thực hiện hợp đồng	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ngày 31/12/.....: - Tổng số hợp đồng đã ký kết:(trong đó số hợp đồng đã hoàn thành:.....; số hợp đồng đang thực hiện:.....)

- Doanh thu:.....

- Tổng số thuế đã nộp:

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư/

Người đứng đầu chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư/

Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Nếu sổ theo dõi việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý được làm trên máy tính thì hàng tháng phải in ra và đóng thành quyển theo từng năm.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-26
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

**Đoàn luật sư tỉnh hoặc TP:...../Tên tổ chức hành nghề luật sư/Tên chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư/Họ,
tên luật sư hành nghề với tư cách cá nhân:.....**

**SỔ THEO DÕI VIỆC THAM GIA TỔ TỤNG TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN TIỀN
HÀNH TỔ TỤNG/THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ MIỄN PHÍ**
(Được in trên khổ giấy A4)

QUYÊN SỐ:.....

Mở ngày.....tháng.....năm.....

SỔ THEO DÕI VIỆC THAM GIA TỔ TỤNG TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ MIỄN PHÍ*

(Từ ngày..... tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Stt	Số, ngày, tháng ký hợp đồng (nếu có)	Tên khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng	Nội dung dịch vụ, thời hạn thực hiện	Giá trị hợp đồng	Người thực hiện hợp đồng	Chất lượng thực hiện hợp đồng	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú (ghi rõ cơ quan yêu cầu nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ngày 31/12/.....: - Tổng số vụ việc:(trong đó số vụ việc theo yêu cầu của CQTHTT:.....; số vụ việc TGPL:.....)

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....
 Đại diện Đoàn luật sư/ Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư/
 Người đứng đầu chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư/
 Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Nếu sổ theo dõi việc tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng/ thực hiện trợ giúp pháp lý được làm trên máy tính thì hàng tháng phải in ra và đóng thành quyển theo từng năm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-27

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

Liên đoàn luật sư Việt Nam/Đoàn luật sư tỉnh hoặc TP:.....

SỐ THEO DÕI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, XỬ LÝ VI PHẠM
(Được in trên khổ giấy A4)

QUYẾN SỐ:.....

Mở ngày.....tháng.....năm.....

SỔ THEO DÕI KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM*

(Từ ngày..... tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Stt	Ngày, tháng khen thưởng/xử lý vi phạm	Người được khen thưởng/Người bị xử lý vi phạm	Lý do khen thưởng/xử lý vi phạm	Hình thức khen thưởng/xử lý vi phạm	Luật sư/Đoàn luật sư/Tổ chức hành nghề luật sư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Liên đoàn luật sư Việt Nam/
Đại diện Đoàn luật sư/
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Nếu sổ theo dõi việc khen thưởng, xử lý vi phạm được làm trên máy tính thì hàng tháng phải in ra và đóng thành quyển theo từng năm.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-28

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

Liên đoàn luật sư Việt Nam/Đoàn luật sư tỉnh hoặc TP:.....

SỐ THEO DÕI KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
(Được in trên khổ giấy A4)

QUYỀN SỐ:.....

Mở ngày.....tháng.....năm.....

SỔ THEO DÕI KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI *

(Từ ngày..... tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Stt	Khiếu nại luật sư/tổ chức hành nghề luật sư/ Đoàn luật sư	Nội dung khiếu nại	Ngày nhận	Người nhận	Người giải quyết	Tiến độ		Ghi chú
						Đã giải quyết xong (ghi rõ kết quả)	Đang giải quyết	
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Liên đoàn luật sư Việt Nam/
Đại diện Đoàn luật sư/
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Nếu sổ theo dõi khiếu nại và giải quyết khiếu nại được làm trên máy tính thì hàng tháng phải in ra và đóng thành quyển theo từng năm.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-LS-29

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2011/TT-BTP)

SỞ TƯ PHÁP

TỈNH (THÀNH PHỐ):.....

SỔ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

(Được in trên khổ A3)

QUYỀN SỐ: /STP/LS-ĐKHD

Mở ngày.....tháng.....năm.....đến ngàytháng.... năm.

